

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN HUỆ
Chương: 622 Loại 070 Khoản 072

Biểu 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 16 tháng 6 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN THU - CHI CÁC QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM HỌC 2021 - 2022
(Kèm theo thông báo số: 134/TB-THNH ngày 16/6/2022 của trường tiểu học Nguyễn Huệ)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ vào quyết định số 2714/QĐ-UBND, ngày 20/12/2021 của UBND thị xã Đông Triều về việc phê duyệt các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục với các trường MN,TH,THCS, TH&THCS và Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn thị xã năm học 2021 - 2022 theo nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Ninh.

Trường Tiểu học Nguyễn Huệ công khai tình hình thực hiện thu-chi các quỹ ngoài ngân sách năm học 2021 - 2022 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán thu năm học 2021 - 2022	Thực hiện năm học 2021 - 2022	Thực hiện năm học 2021-2022 /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu sự nghiệp khác	861,643,896	861,643,896	0	
I	Số dư kinh phí năm học trước chuyển sang	0	0	0	
1	Tiền BHYT học sinh	0	0	0	
2	Tiền trông giữ phương tiện giao thông	0	0	0	
3	Tiền học Tiếng Anh NN	0	0	0	
4	Tiền nước uống	0	0	0	
5	Tiền Tin học	0	0	0	
6	Tiền Kỹ năng sống	0	0	0	
7	Tiền học Tiếng anh tự chọn lớp 1,2	0	0	0	
8	Tiền điện điều hòa lớp học	0	0	0	
II	Số thu sự nghiệp năm học 2021 - 2022	861,643,896	861,643,896	100	
1	Tiền BHYT học sinh	243,197,055	243,197,055	100	
2	Tiền trông giữ phương tiện giao thông	24,100,000	24,100,000	100	
3	Tiền học Tiếng Anh NN	257,488,000	257,488,000	100	
4	Tiền nước uống	31,306,000	31,306,000	100	
5	Tiền Tin học	100,945,000	100,945,000	100	
6	Tiền Kỹ năng sống	143,025,000	143,025,000	100	
7	Tiền học Tiếng anh tự chọn lớp 1,2	56,825,000	56,825,000	100	
8	Tiền điện điều hòa lớp học	4,757,841	4,757,841	100	

B	Chi từ nguồn thu sự nghiệp khác	861,643,896	861,643,896	100	
1	Tiền BHYT học sinh	243,197,055	243,197,055	100	
	- Nộp tiền BHYT năm học 2021 - 2022 về cơ quan BHXH thị xã Đông Triều	243,197,055	243,197,055	100	
2	Tiền trông xe đạp	24,100,000	24,100,000	100	
	Thanh toán tiền trông giữ Xe đạp năm học 2021 - 2022	19,500,000	19,500,000	100	
	Thanh toán tiền cho công tác quản lý	3,361,300	3,361,300	100	
	Thanh toán tiền mua bơm xe	150,000	150,000	100	
	Thanh toán tiền 4% thuế GTGT và TNDN	964,000	964,000	100	
	Thanh toán tiền mua hóa đơn	124,700	124,700	100	
3	Tiền học Tiếng Anh Nước ngoài	257,488,000	257,488,000	100	
	Thanh toán tiền HP môn Tiếng Anh do GV người nước ngoài giảng dạy T01-5/2022	200,840,600	200,840,600	100	
	Thanh toán tiền cán bộ quản lý từ tháng 01-5/2022	16,118,800	16,118,800	100	
	Thanh toán tiền quản lý lớp từ tháng 01-5/2022	14,089,100	14,089,100	100	
	Thanh toán tiền trợ giảng tháng 01-5/2022	11,384,000	11,384,000	100	
	Thanh toán tiền công quét dọn lớp học từ tháng 01-5/2022	8,090,000	8,090,000	100	
	Thanh toán tiền điện	1,092,100	1,092,100	100	
	Thanh toán tiền nộp thuế 2% năm học 2021 - 2022	5,149,700	5,149,700	101	
	Thanh toán mua hóa đơn	723,700	723,700	102	
4	Tiền nước uống	31,306,000	31,306,000	100	
	Thanh toán tiền giao, nhận nước uống	4,550,000	4,550,000	100	
	Thanh toán tiền mua nước uống năm học 2021 - 2022	26,280,000	26,280,000	100	
	Thanh toán tiền mua ca uống nước	476,000	476,000	100	
5	Tiền Tin học	100,945,000	100,945,000	100	
	Thanh toán tiền công HĐ giáo viên giảng dạy năm học 2021 - 2022	70,630,600	70,630,600	100	
	Thanh toán tiền công Quản lý lớp năm học 2021 - 2022	1,616,100	1,616,100	100	
	Thanh toán tiền công HĐ vệ sinh phòng máy năm học 2021 - 2022	2,464,000	2,464,000	100	
	Thanh toán tiền CBQL, kế toán hành chính, thu quy năm học 2021 - 2022	12,492,000	12,492,000	100	
	Chi thanh toán tiền điện sáng năm học 2021 - 2022	6,432,500	6,432,500	100	
	Thanh toán tiền nộp 2% Thuế năm học 2021 - 2022	2,018,900	2,018,900	100	
	Thanh toán tiền mua hóa đơn năm học 2021 - 2022	838,900	838,900	100	
	Thanh toán tiền sửa chữa, thay thế thiết bị tin học năm học 2021 - 2022	4,452,000	4,452,000	100	
6	Tiền Kỹ năng sống	143,025,000	143,025,000	100	
	Thanh toán tiền học phí cho công ty CPĐT PTGD MAX Việt Nam năm học 2021 - 2022	110,781,500	110,781,500	100	
	Thanh toán tiền cán bộ quản lý năm học 2021 - 2022	12,118,800	12,118,800	100	
	Thanh toán tiền GVCN quản lý lớp năm học 2021 - 2022	8,836,700	8,836,700	100	
	Thanh toán tiền công dọn vệ sinh lớp học năm học 2021 - 2022	7,000,000	7,000,000	100	
	Thanh toán tiền điện năm học 2021 - 2022	713,000	713,000	100	
	Thanh toán tiền 2% thuế năm học 2021 - 2022	2,860,500	2,860,500	101	
	Thanh toán tiền mua hóa đơn năm học 2021 - 2022	714,500	714,500	102	
7	Tiền Kỹ Tiếng Anh tự chọn lớp 1,2	56,825,000	56,825,000	100	

	Thanh toán tiền giáo viên dạy HĐ môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1,2 năm học 2021 - 2022	42,776,200	42,776,200	100	
	Thanh toán tiền cán bộ quản lý năm học 2021 - 2022	5,539,800	5,539,800	100	
	Thanh toán tiền quản lý lớp năm học 2021 - 2022	1,218,000	1,218,000	100	
	Thanh toán tiền công quét dọn lớp học năm học 2021 - 2022	1,569,400	1,569,400	100	
	Thanh toán tiền điện	1,222,600	1,222,600	100	
	Thanh toán tiền nộp thuế 2% năm học 2021 - 2022	1,136,500	1,136,500	100	
	Thanh toán mua hóa đơn	415,300	415,300	100	
	Thanh toán sửa chữa, thay thế thiết bị máy chiếu năm học 2021 - 2022	2,947,200	2,947,200	100	
8	Tiền điện điều hòa lớp học	4,757,841	4,757,841	100	
	Nộp tiền điện điều hòa lớp học năm học 2021-2022	4,757,841	4,757,841	100	
C	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm học 2021 - 2022 sử dụng và quyết toán	0	0		

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mơ